wèi shì

卫视

Noun · Satellite TV channel

Example Sentences

wǒ wǎn shàng kàn wèi shì
我 晚 上 看 卫视。

I watch satellite TV in the evening.

nǐ tōng cháng tōng guò nǎ gè wèi shì shōu kàn guó jì xīn wén ne
你 通 常 通 过 哪 个 卫 视 收 看 国 际 新 闻 呢？

Which satellite TV channel do you usually watch for international news?

zhè ge wèi shì jīng cháng bō fàng hǎo kàn de diàn shì jù
这 个 卫 视 经 常 播 放 好 看 的 电 视 剧。

This satellite TV channel often broadcasts interesting TV dramas.
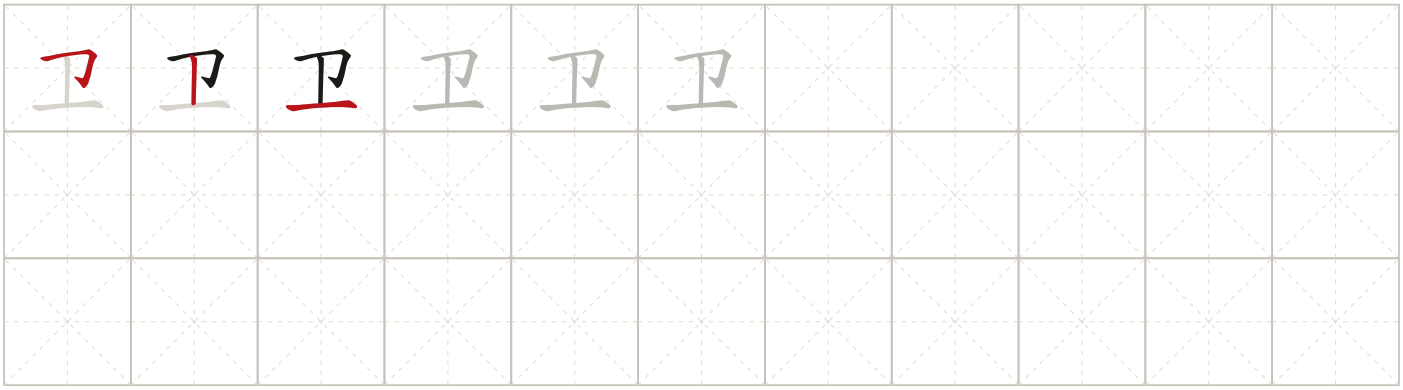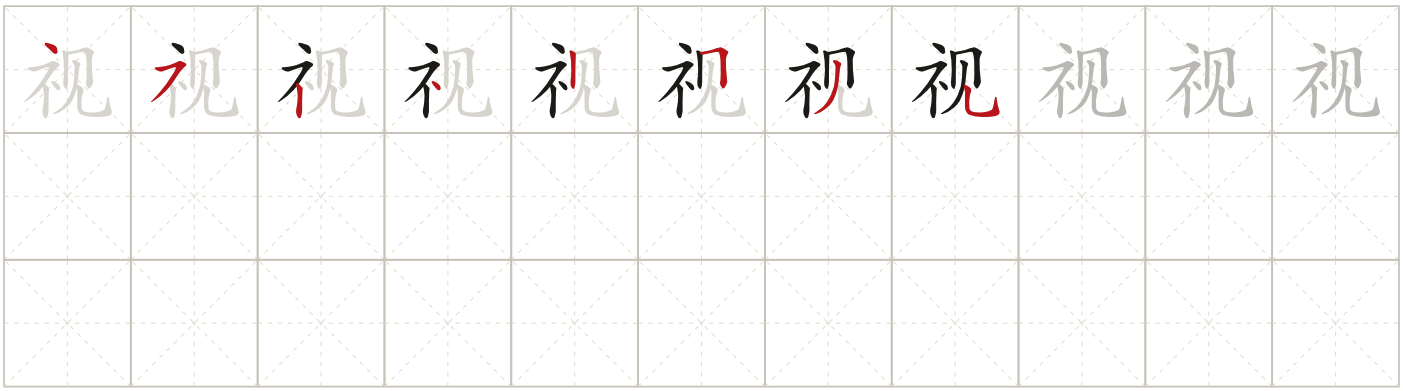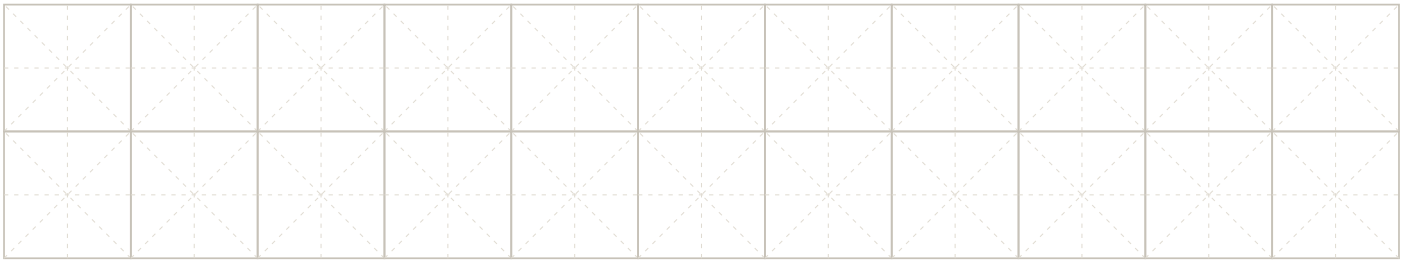
Trace each character, then write the word on your own.